

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

(đã được kiểm toán)



QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Đại diện Quỹ	02-03
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	04-10
Báo cáo của Ngân hàng giám sát	11
Báo cáo kiểm toán độc lập	12-13
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	14-43
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15-16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18-19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20
Thuyết minh báo cáo tài chính	21-43

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM (sau đây gọi tắt là "Quỹ") trình bày Báo cáo này và phê duyệt báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025.

QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được thành lập ngày 24 tháng 05 năm 2023 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 67/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 24 tháng 05 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (sau đây được gọi tắt là "Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14 tháng 12 năm 2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 19/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0102574966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ 03 ngày 06 tháng 02 năm 2023.

Công ty Quản lý Quỹ được sở hữu 99,97% bởi Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("Ngân hàng Mẹ"), một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm: quản lý danh mục đầu tư, quản lý quỹ và cung cấp các dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo các quy định của pháp luật.

Công ty Quản lý Quỹ có Trụ sở chính tại: Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này là Ông Trần Quang Vinh - chức danh Giám đốc.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 và Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ và pháp luật liên quan.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên của Ban đại diện Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Kiều Phương Khoan	Chủ tịch - Thành viên độc lập
Ông Phạm Thiên Quang	Thành viên
Bà Phạm Thị Biều	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Quỹ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng đối với Công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quỹ và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

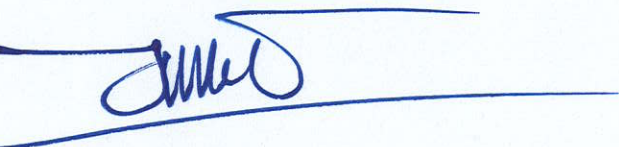
CAM KẾT KHÁC

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi bổ sung theo nghị định số 245/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/9/2025. Công ty tuân thủ Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ



Kiều Phương Khoan

Chủ tịch

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1 . THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM (PBIF);

Loại hình Quỹ: Quỹ mở.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao,...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3 . Thời gian hoạt động của Quỹ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

1.4 . Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio)

Không có.

1.5 . Chính sách phân chia lợi nhuận

Công ty Quản lý Quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ Quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định Quỹ vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ.

1.6 . Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 47.908.410.800 VND tương đương với 4.790.841,08 chứng chỉ quỹ.

1.7 . Các nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong năm

Trong năm, Quỹ có thực hiện sửa đổi bổ sung Điều lệ Quỹ lần thứ 1 theo thông báo số 243/QLQ-PTKD do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước ngày 28/05/2025 với các nội dung thay đổi như sau:

STT	Điều khoản	Khoản mục, Điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, Điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1	Mục 4, Phụ lục 4, Điều lệ Quỹ 8. Trái phiếu hủy niêm yết	Không có	Đối với Trái phiếu chờ đáo hạn hoặc không còn đủ điều kiện để niêm yết thì giá Trái phiếu được sử dụng để định giá bằng mệnh giá cộng lãi lũy kế.	Cập nhật phù hợp với tình hình hoạt động.
2	Phụ lục 05	Trung tâm lưu ký chứng khoán (VSD)	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC)	Cập nhật theo thực tế tên sửa đổi của đối tác

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

1.8 . Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm 2025 số 01/2025/NQĐH - PBIF ngày 28/05/2025, các nội dung được thông qua như sau:

- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2024 và Kế hoạch hoạt động năm 2025 của Quỹ PBIF;
- Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Quỹ PBIF;
- Phương án không phân phối lợi nhuận năm 2024 của Quỹ PBIF;
- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Quỹ PBIF trong năm tài chính 2025 là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Thông qua ủy quyền cho Công ty quản lý quỹ PVCB Capital đàm phán, ký kết hợp đồng với đơn vị kiểm toán.
- Thông qua việc điều chỉnh, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

1.9 . Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát

Công ty Quản lý Quỹ đã đáp ứng đúng các quy định tại Thông tư hướng dẫn thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán.

2 . BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

2.1 . Danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của Quỹ tại thời điểm 31/12/2025

- Tỷ lệ danh mục đầu tư của Quỹ

Danh mục đầu tư	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Trái phiếu	0,94%	23,38%	25,35%
Cổ phiếu	31,75%	64,28%	0,79%
Chứng chỉ tiền gửi	0,00%	0,00%	18,52%
Hợp đồng tiền gửi	-	0,00%	53,23%
Tài sản khác	67,31%	12,34%	2,11%
Tổng tài sản	100,00%	100,00%	100,00%

- Các chỉ tiêu về giá trị tài sản ròng (NAV) và Giá trị ròng trên một đơn vị quỹ:

Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Giá trị tài sản ròng (VND)	48.608.336.364	175.771.685.761	120.547.035.738
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND/CCQ)	10.146,09	10.520,54	10.425
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong kỳ báo cáo	4.790.841,08	16.707.467,29	11.563.370
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	11.736,51	11.519,00	10.658
Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND/CCQ)	7.857,70	10.224,05	9.993

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

- Tổng lợi nhuận của Quỹ:

Nội dung	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
(1) Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư trong đó: (1.1+1.2+1.3)	(21.963.193)	2.467.067.652	1.066.638.731
1.1 Cổ tức, trái tức được nhận từ trái phiếu	3.664.933.019	6.105.808.150	1.841.794.514
1.2 Lãi được nhận từ CCTG và HĐTG	35.078.003	1.070.862.534	1.314.614.376
1.3 Chi phí	(3.721.974.215)	(4.709.603.032)	(2.089.770.159)
2. Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	7.540.244.786	(250.360.795)	2.556.189.478
3. Tổng lợi nhuận của Quỹ trước thuế	7.518.281.593	2.216.706.857	3.622.828.209

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong năm: Không có;

- Thời điểm phân chia lợi nhuận : Không có;

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có;

- Các chỉ tiêu về Tỷ lệ chi phí hoạt động, tốc độ vòng quay danh mục của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch (nếu có);

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Tỷ lệ chi phí hoạt động	3,35%	3,27%	3,39%
Tốc độ vòng quay danh mục	678,21%	388,19%	297,62%

2.2 . Chỉ tiêu về lợi nhuận của Quỹ

Tổng lợi nhuận bình quân năm của Quỹ phát sinh trong thời hạn 36 tháng:

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Lợi nhuận bình quân	7.518.281.593	2.216.706.857	3.622.828.209

2.3 . Các chỉ tiêu so sánh khác bảo đảm nguyên tắc tuân thủ

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp giá trị tài sản được quy định trong sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý Quỹ và được rà soát bởi Ngân hàng Giám sát BIDV - Chi nhánh Hà Thành.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Giá chứng khoán được cung cấp bởi các cơ quan và tổ chức uy tín trên thị trường như Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2.4 . Các khuyến cáo cho nhà đầu tư

Báo cáo đã nêu rõ khuyến cáo rằng các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

3 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ bao gồm các nội dung sau:

3.1 . Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ:

Trong năm Quỹ không có việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ.

3.2 . Thuyết minh về việc Quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư

Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025, Quỹ đã ghi nhận mức tăng trưởng (3,56)%/năm.

3.3 . So sánh kết quả lợi nhuận của Quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị)

Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không thực hiện nội dung này.

3.4 . Chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong năm tài chính

Quỹ thực hiện tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao,...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3.5 . Đánh giá biến động của thị trường trong năm tài chính

Đánh giá biến động của các thị trường trong năm tài chính, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: Cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap);

Kinh tế vĩ mô

GDP năm 2025 tăng trưởng khá với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,78%, đóng góp 5,30%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,95%, đóng góp 43,62%; khu vực dịch vụ tăng 8,62%, đóng góp 51,08%.

Tính chung cả năm 2025, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 30,31 tỷ USD, tăng 18,9% so với năm trước, trong đó dịch vụ du lịch đạt 15,22 tỷ USD (chiếm 50,2% tổng kim ngạch), tăng 24,4%; dịch vụ vận tải đạt 8,8 tỷ USD (chiếm 29,0%), tăng 23,6%. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ năm 2025 ước đạt 40,54 tỷ USD (trong đó phí dịch vụ vận tải và bảo hiểm của hàng hóa nhập khẩu là 14,43 tỷ USD), tăng 14,0% so với năm trước, trong đó dịch vụ vận tải đạt 17,1 tỷ USD (chiếm 42,1% tổng kim ngạch), tăng 19,9%; dịch vụ du lịch đạt 14,7 tỷ USD (chiếm 36,4%), tăng 15,6%. Cán cân thương mại dịch vụ năm 2025 nhập siêu 10,23 tỷ USD.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng Mười Hai tăng 0,19% so với tháng trước. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng Mười Hai tăng 3,48%. CPI bình quân quý IV/2025 tăng 3,44% so với quý IV/2024. Tính chung cả năm 2025, CPI tăng 3,31% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

Kết luận

Năm 2025, kinh tế Việt Nam đạt được nhiều kết quả tích cực, với tăng trưởng GDP cao, kiểm soát lạm phát tốt và thặng dư thương mại bền vững. Chính sách tiền tệ và tài khóa được điều hành linh hoạt, thận trọng nhằm hỗ trợ tăng trưởng trong khi vẫn chú trọng ổn định hệ thống tài chính và tỷ giá. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn đối mặt với những thách thức từ môi trường quốc tế biến động, áp lực tỷ giá và rủi ro lạm phát trong trung hạn, đòi hỏi tiếp tục điều hành chính sách chủ động và phối hợp chặt chẽ.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Thị trường lãi suất:

Năm 2025, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ theo hướng thận trọng, linh hoạt, nhằm vừa hỗ trợ tăng trưởng kinh tế vừa kiểm soát lạm phát và ổn định thị trường tài chính. Trong bối cảnh tăng trưởng tín dụng phục hồi rõ nét và áp lực thanh khoản gia tăng ở một số thời điểm, NHNN ưu tiên ổn định mặt bằng lãi suất điều hành, kết hợp linh hoạt các công cụ thị trường mở.

Về lãi suất điều hành: Trong năm 2025, NHNN không điều chỉnh giảm thêm các mức lãi suất điều hành, duy trì mặt bằng lãi suất ở mức đã được điều chỉnh trong giai đoạn trước. Cụ thể, lãi suất tái cấp vốn duy trì ở mức khoảng 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu ở mức 3,0%/năm. Việc giữ ổn định lãi suất điều hành phản ánh quan điểm thận trọng của NHNN trong bối cảnh lãi suất quốc tế giảm chậm và áp lực tỷ giá vẫn hiện hữu.

Mặt bằng lãi suất huy động: So với năm 2024, lãi suất huy động trong năm 2025 có xu hướng tăng nhẹ và phân hóa giữa các ngân hàng, đặc biệt từ nửa cuối năm khi tăng trưởng tín dụng cao hơn tốc độ huy động vốn. Lãi suất tiền gửi kỳ hạn dưới 6 tháng phổ biến trong khoảng 3,8% - 5,8%/năm, trong khi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên dao động khoảng 5,8% - 7,2%/năm. Một số ngân hàng thương mại cổ phần quy mô vừa và nhỏ áp dụng mức lãi suất cao hơn để cải thiện thanh khoản, trong khi nhóm ngân hàng quốc doanh duy trì mức lãi suất tương đối thấp.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay doanh nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên nhìn chung ổn định ở mức 8,5% - 10,5%/năm, cao hơn nhẹ so với năm 2024. Đối với các khoản vay tiêu dùng và bất động sản, lãi suất tiếp tục ở mức cao hơn, phổ biến trong khoảng 11% - 14%/năm, tùy thuộc vào kỳ hạn vay, mức độ rủi ro và xếp hạng tín dụng của khách hàng.

Thị trường liên ngân hàng và nghiệp vụ thị trường mở: Lãi suất cho vay qua đêm trên thị trường liên ngân hàng trong năm 2025 biến động theo chu kỳ thanh khoản, nhưng nhìn chung duy trì quanh mức 4,5% - 5,0%/năm. NHNN chủ động sử dụng các công cụ thị trường mở để điều tiết thanh khoản, với lãi suất tín phiếu NHNN và lãi suất cho vay cầm cố trên thị trường mở dao động quanh mức 4,5%/năm, phù hợp với định hướng giữ ổn định lãi suất điều hành.

Kết luận:

Thị trường lãi suất Việt Nam năm 2025 ghi nhận xu hướng ổn định mặt bằng lãi suất điều hành, trong khi lãi suất huy động và cho vay có xu hướng tăng nhẹ so với năm 2024 do áp lực từ tăng trưởng tín dụng và nhu cầu vốn của nền kinh tế. NHNN tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt, chủ động kiểm soát thanh khoản nhằm đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô và hệ thống tài chính. Trong thời gian tới, diễn biến lãi suất vẫn cần được theo dõi chặt chẽ, đặc biệt trong mối liên hệ với chính sách tiền tệ toàn cầu, lạm phát và tỷ giá.

Thị trường Cổ phiếu:

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 ghi nhận một năm bứt phá ấn tượng sau giai đoạn biến động mạnh, với chỉ số VN-Index kết thúc năm ở quanh 1.784,49 điểm, tăng khoảng 40,9% so với cuối năm 2024, lập mức cao kỷ lục lịch sử và trở thành một trong những thị trường tăng trưởng mạnh nhất khu vực. Đà tăng mạnh này được hỗ trợ bởi dòng tiền nội địa dồi dào và kỳ vọng nâng hạng thị trường, cũng như các yếu tố chính sách cải cách và triển vọng kinh tế tích cực. Thanh khoản thị trường gia tăng đột biến với giá trị giao dịch trung bình trên HOSE đạt mức cao lịch sử, cho thấy sự tham gia mạnh mẽ của nhà đầu tư trong nước.

Tuy nhiên, thị trường cũng trải qua nhiều giai đoạn biến động và điều chỉnh mạnh, đặc biệt là chịu áp lực từ khối ngoại bán ròng lớn, với tổng giá trị bán ròng gần 140.000 tỷ đồng trong năm, mức cao kỷ lục, phản ánh thách thức trong thu hút dòng vốn ngoại bền vững.

Dự báo năm 2026, thị trường được kỳ vọng tiếp tục ổn định và duy trì xu hướng tăng trưởng khi các yếu tố bất lợi từ bên ngoài dần giảm, cùng với việc Việt Nam được nâng hạng lên thị trường mới nổi, điều này có thể thu hút dòng vốn ngoại lớn hơn về dài hạn và tạo động lực chính cho thị trường cổ phiếu.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Thị trường Trái phiếu:

Năm 2025, thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam ghi nhận sự phục hồi rõ nét nhưng mang tính chọn lọc, trong bối cảnh khung pháp lý dần hoàn thiện và niềm tin thị trường từng bước được cải thiện. Tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp sơ cấp trong năm ước đạt khoảng 470.000 - 500.000 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2024, trong đó phát hành riêng lẻ tiếp tục chiếm tỷ trọng áp đảo. Hoạt động phát hành tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp có nền tảng tài chính tốt và khả năng tiếp cận dòng tiền ổn định.

Ngành ngân hàng tiếp tục giữ vai trò dẫn dắt thị trường với giá trị phát hành ước đạt khoảng 300.000 - 320.000 tỷ đồng, chiếm trên 60% tổng lượng phát hành, nhằm bổ sung vốn trung và dài hạn, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vốn và tăng trưởng tín dụng. Ngược lại, ngành bất động sản dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn ở mức thận trọng, giá trị phát hành chưa quay lại mức cao, chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp đầu ngành, có tài sản đảm bảo rõ ràng. Kỳ hạn phát hành bình quân của nhóm bất động sản duy trì ở mức ngắn, khoảng 2,5 - 3 năm, trong khi lãi suất coupon vẫn ở mức cao, dao động 10,5% - 12%/năm, phản ánh rủi ro tín dụng chưa hoàn toàn được giải tỏa.

Áp lực đáo hạn trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2025 vẫn ở mức cao, với tổng giá trị đáo hạn ước đạt trên 220.000 tỷ đồng, trong đó nhóm bất động sản chiếm tỷ trọng lớn, khoảng 45% - 50%. Áp lực thanh toán tập trung chủ yếu vào nửa cuối năm 2025, buộc nhiều doanh nghiệp phải chủ động tái cơ cấu nợ, đàm phán giãn hoãn kỳ hạn hoặc tìm kiếm các kênh huy động vốn thay thế.

Kết luận:

Thị trường trái phiếu Việt Nam năm 2025 bước vào giai đoạn phục hồi có kiểm soát, với chất lượng phát hành được cải thiện nhưng quy mô chưa tăng mạnh. Ngành ngân hàng tiếp tục là trụ cột của thị trường, trong khi bất động sản vẫn đối mặt với nhiều thách thức từ áp lực đáo hạn và chi phí vốn cao. Trong trung hạn, triển vọng thị trường phụ thuộc lớn vào tiến độ phục hồi của bất động sản, khả năng xử lý nghĩa vụ trái phiếu đến hạn và mức độ củng cố niềm tin của nhà đầu tư.

3.6 . Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong năm

Trong năm không có phát sinh việc chia, tách đơn vị quỹ.

3.7 . Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ

Trong năm không có các sự kiện ảnh hưởng trọng yếu tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ.

3.8 . Các thông tin khác

Không có

4 . BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

4.1 . Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Tổng các chi phí ủy quyền trong năm 2025	Giá trị
Tổng chi phí ủy quyền trong năm (VND)	330.000.000
Tổng chi phí ủy quyền/ Lợi nhuận (%)	4,39%
Tổng chi phí ủy quyền/Thu nhập ròng (%)	-1502,51%
Tổng chi phí ủy quyền/Tổng chi phí (%)	8,87%

4.2 . Các ảnh hưởng của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của Quỹ

Không có.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

4.3 . Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền

Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ, Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

Tổng các chi phí hoạt động ủy quyền phải trả trong năm 2025	Giá trị (VND)
Phí quản trị quỹ	198.000.000
Phí đại lý chuyển nhượng	132.000.000
Tổng cộng	330.000.000

4.4 . Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và cơ sở hạ tầng của bên nhận ủy quyền

Theo đánh giá của PVCB Capital, VSD và BIDV – chi nhánh Hà Thành đều là các đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trên thị trường, với đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, tính chuyên nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ, có hệ thống phần mềm theo chuẩn quốc tế và các phòng, bộ phận chức năng được thiết lập và hoạt động độc lập. Vì vậy, khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, dự phòng thảm họa và các bên nhận ủy quyền cho quỹ PVBF được đảm bảo hoạt động thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư cũng như công ty quản lý quỹ.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCB Capital).

Trân trọng./.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân
hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ✓



Trần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát Quỹ Đầu Tư Cân Bằng PVcom (Sau đây gọi là “Quỹ”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025. Với sự hiểu biết của chúng tôi, trong giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ Đầu Tư Cân Bằng PVcom đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

a) Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch của Quỹ.

b) Về việc tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan: tại một số thời điểm, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có phát sinh sai lệch, cụ thể như sau:

- Tại các kỳ định giá ngày 09/04/2025, 18/06/2025, 09/07/2025, 23/07/2025, 10/09/2025, 05/11/2025, 19/11/2025, 26/11/2025, 01/12/2025, và 24/12/2025, tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của quỹ, chưa đáp ứng quy định tại Điểm e Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

- Tại các kỳ định giá ngày 23/07/2025, 30/07/2025, và 01/08/2025, tỷ lệ đầu tư vào Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành riêng lẻ trên tổng tài sản vượt hạn mức tối đa 10%, chưa đáp ứng quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020.

- Tại các kỳ định giá ngày 10/09/2025, 19/11/2025 và 26/11/2025, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành của 1 tổ chức phát hành trên tổng tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định tại Điểm c Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

- Tại các kỳ định giá ngày 19/11/2025 và 26/11/2025, tỷ lệ đầu tư vào các loại tài sản quy định tại Điểm a, b, d, đ và e Khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau trên tổng giá trị tài sản của Quỹ chưa đảm bảo hạn mức tối đa 30% theo quy định tại Điểm d Khoản 4 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC.

c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Việc phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

e) Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Đại diện Ngân hàng giám sát



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Cường

Nhân viên giám sát

Vũ Minh Hồng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Nhà đầu tư và Ban đại diện
Quý Đầu tư Cân Bằng PVCOM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM được lập ngày 20 tháng 03 năm 2026, từ trang 13 đến trang 42, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025; Báo cáo thu nhập, Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân Bằng PVCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo về các yêu cầu khác của pháp luật và các quy định

Trong năm 2025, tại một số thời điểm tỷ lệ đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM chưa đảm bảo tuân thủ các hạn chế đầu tư được quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Các kỳ định giá chưa đảm bảo tuân thủ quy định về hạn chế đầu tư đã được Ngân hàng giám sát và Công ty quản lý quỹ PVCB Capital thực hiện thông báo và gửi báo cáo tới Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước để khắc phục. Tính đến thời điểm 31/12/2025, các tỷ lệ đầu tư của Quỹ đã đảm bảo tuân thủ theo quy định và pháp luật hiện hành.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO THU NHẬP

Năm 2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		11.240.255.808	6.926.309.889
02	1.1 Cổ tức được chia		799.500.000	2.206.686.000
06	1.2 Trái tức được chia		2.865.433.019	3.899.122.150
03	1.3 Tiền lãi được nhận		35.078.003	1.070.862.534
04	1.4 Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	9	(1.356.953.551)	9.571.116.003
05	1.5 Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	10	8.897.198.337	(9.821.476.798)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		1.503.382.114	2.064.648.964
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư		1.503.382.114	2.064.648.964
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ	11	2.218.592.101	2.644.954.068
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ mở		1.445.625.990	1.874.669.445
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở		192.010.911	191.422.543
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		66.000.000	66.000.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ mở		198.000.000	198.000.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyên nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.7 Chi phí thù lao cho Ban đại diện		108.000.000	108.000.000
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		64.800.000	63.300.000
20.10	3.9 Chi phí hoạt động khác		12.155.200	11.562.080
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		7.518.281.593	2.216.706.857
24	V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC		-	-
24.1	5.1 Thu nhập khác		-	-
24.2	5.2 Chi phí khác		-	-
30	VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		7.518.281.593	2.216.706.857
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		(1.378.916.744)	12.038.183.655
32	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		8.897.198.337	(9.821.476.798)
40	VII CHI PHÍ THUẾ TNDN		-	-
41	VIII LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		7.518.281.593	2.216.706.857



Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng

Trần Quang Vinh

Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3	32.544.978.359	19.455.228.389
111	1.1. Tiền gửi ngân hàng		32.544.978.359	19.455.228.389
	1.1.1 Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ		20.000.000	1.000.000
	1.1.2 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		32.524.978.359	19.454.228.389
120	2. Các khoản đầu tư thuần	4	15.992.261.438	154.692.679.588
121	2.1 Các khoản đầu tư		15.992.261.438	154.692.679.588
	2.1.1 Cổ phiếu		15.532.655.000	113.434.260.000
	2.1.2 Trái phiếu		459.606.438	41.258.419.588
130	3. Các khoản phải thu	5	381.160.876	2.327.669.589
131	3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư		-	711.760.000
133	3.2 Phải thu về dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		381.160.876	1.615.909.589
136	3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		381.160.876	1.615.909.589
100	TỔNG TÀI SẢN		48.918.400.673	176.475.577.566
Mã số	NGUỒN VỐN		31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
300	II. NỢ PHẢI TRẢ			
312	1. Phải trả về mua các khoản đầu tư	5	-	1.281.168
313	2. Phải trả cho các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ		4.243.162	8.871.035
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		21.507.901	-
316	4. Chi phí phải trả		64.800.000	64.800.000
317	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.000.000	1.000.000
318	6. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		7.972.681	-
319	7. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	6	210.454.263	627.939.602
320	5. Phải trả, phải nộp khác	6	86.302	-
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		310.064.309	703.891.805

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
			VND	VND
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ	7	48.608.336.364	175.771.685.761
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		47.908.410.800	167.074.672.900
412	1.1 Vốn góp phát hành		269.983.692.300	260.258.048.600
413	1.2 Vốn góp mua lại		(222.075.281.500)	(93.183.375.700)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(12.657.891.095)	2.857.477.795
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	8	13.357.816.659	5.839.535.066
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ		10.146,09	10.520,54
440	V. LỢI NHUẬN ĐÃ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ		-	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2025	31/12/2024
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành		4.790.841,08	16.707.467,29

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Trần Quang Vinh

Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG,
GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ***Năm 2025*

STT	CHỈ TIÊU	Năm 2025	Năm 2024
		VND	VND
I.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu năm	175.771.685.761	120.547.035.738
II.	Thay đổi NAV trong năm	7.518.281.593	2.216.706.857
	Trong đó:		
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong năm	7.518.281.593	2.216.706.857
III.	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ (III=III.1+III.2)	(134.681.630.990)	53.007.943.166
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ	8.953.728.044	130.841.866.156
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ	(143.635.359.034)	(77.833.922.990)
IV.	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm (IV= I+II+III)	48.608.336.364	175.771.685.761

Đỗ Thị Kim Cúc
Người lậpĐỗ Thị Kim Cúc
Kế toán trưởngTrần Quang Vinh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

QUÝ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2025 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
I.	Cổ phiếu niêm yết				
	Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	70.000	24.000,00	1.680.000.000	3,43%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - HPG	65.000	26.400,00	1.716.000.000	3,51%
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - MBB	70.000	25.300,00	1.771.000.000	3,62%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN	20.000	77.000,00	1.540.000.000	3,15%
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPB	50.000	28.650,00	1.432.500.000	2,93%
	Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - KBC	50.000	35.350,00	1.767.500.000	3,61%
	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PVS	8.850	34.300,00	303.555.000	0,62%
	Công ty Cổ phần FPT - FPT	18.000	95.800,00	1.724.400.000	3,53%
	Công ty Cổ phần Gemadep - GMD	25.700	61.000,00	1.567.700.000	3,20%
	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - STB	35.000	58.000,00	2.030.000.000	4,15%
	Tổng cộng	412.550		15.532.655.000	31,75%
II.	Trái phiếu				
II.1	Trái phiếu niêm yết	4.600		459.606.438	0,94%
	Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020	1.000	101.395,23	101.395.233	0,21%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009	2.000	99.457,99	198.915.972	0,41%
	Tập đoàn Vingroup – Công ty Cổ phần - VIC123029	1.600	99.559,52	159.295.233	0,33%
	Tổng cộng	4.600		459.606.438	0,94%

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

STT	Loại	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31/12/2025 (VND)	Tổng giá trị (VND)	Tỷ lệ trên Tổng giá trị tài sản hiện tại của Quỹ (%)
III.	Các tài sản khác				
	1. Dự thu lãi trái phiếu			381.160.876	0,78%
	2. Dự thu lãi tiền gửi và chứng chỉ quỹ			-	0,00%
	Tổng cộng			381.160.876	0,78%
IV.	Tiền				
	1. Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ			32.524.978.359	66,49%
	2. Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ			20.000.000	0,04%
	Tổng cộng			32.544.978.359	66,53%
V.	Tổng giá trị danh mục			48.918.400.673	100,00%

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Trần Quang Vinh

Giám đốc

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2025

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		7.518.281.593	2.216.706.857
02	2. Điều chỉnh cho các khoản tăng giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(8.897.198.337)	9.821.476.798
03	- (- Lãi) hoặc (+ lỗ) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện		(8.897.198.337)	9.821.476.798
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(1.378.916.744)	12.038.183.655
06	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản đầu tư		147.597.616.487	(109.202.266.530)
08	- (-) Tăng, (+) giảm dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		1.234.748.713	997.967.123
11	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả các Đại lý phân phối Chứng chỉ quỹ		(4.627.873)	(50.099.371)
13	- (+) Tăng, (-) giảm Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		21.507.901	(1.882.945)
14	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		-	(2.106.500.000)
15	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ		7.972.681	-
16	- (+) Tăng, (-) giảm phải trả, phải nộp khác		86.302	9.300.000
17	- (+) Tăng, (-) giảm Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở		(417.485.339)	(454.640.398)
19	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		147.771.380.960	(99.480.417.298)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành Chứng chỉ quỹ		8.953.728.044	130.841.866.156
32	2. Tiền chi mua lại Chứng chỉ quỹ		(143.635.359.034)	(77.833.922.990)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(134.681.630.990)	53.007.943.166
40	III TĂNG GIẢM TIỀN THUẦN TRONG KỲ		13.089.749.970	(46.472.474.132)
	IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM			
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		19.455.228.389	65.927.702.521
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		19.454.228.389	63.820.202.521
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		1.000.000	2.107.500.000
55	V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM		32.544.978.359	19.455.228.389
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	3	32.544.978.359	19.455.228.389
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Quỹ mở		32.524.978.359	19.454.228.389
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua Chứng chỉ quỹ		20.000.000	1.000.000
60	VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM		13.089.749.970	(46.472.474.132)

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026

Đấu

Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Trần Quang Vinh

Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 . Thông tin về Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được thành lập ngày 24 tháng 05 năm 2023 dưới hình thức Quỹ mở theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 29 tháng 11 năm 2019 và các văn bản pháp luật có liên quan. Quỹ được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký đại chúng số 67/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCK") cấp ngày 24 tháng 05 năm 2023. Theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ tại: Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào quỹ là 47.908.410.800 VND tương đương với 4.790.841,08 chứng chỉ quỹ.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ được ban hành ngày 24 tháng 05 năm 2023 và sửa đổi bổ sung lần cuối theo thông báo sửa đổi Điều lệ Quỹ số 243/QLQ - PTKD ngày 28 tháng 05 năm 2025.

1.2 . Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao,...) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3 . Kỳ tính giá trị tài sản ròng

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng được xác định hàng tuần và cuối tháng. Ngày giao dịch/ngày định giá được xác định là thứ Tư hàng tuần. Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày làm việc tiếp theo liền sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ vào ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ Quỹ và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi Đơn vị quỹ bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số Đơn vị Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị Quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn đến xuống hai (02) chữ số thập phân.

1.4 . Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ Nhà đầu tư có thể mua, bán, chuyển đổi chứng chỉ quỹ định kỳ vào ngày thứ Tư hàng tuần ("ngày giao dịch"). Trong trường hợp ngày giao dịch chứng chỉ quỹ định kỳ nêu trên trùng vào các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật thì ngày giao dịch đó sẽ được chuyển sang ngày làm việc kế tiếp hoặc ngày khác (nếu ngày kế tiếp vẫn là ngày nghỉ lễ) theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ. Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo về ngày giao dịch bù này trước ít nhất hai (02) tuần trên trang web của Công ty Quản lý Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Công ty Quản lý Quỹ thông báo công khai tại bản cáo bạch, thông báo cho Ngân hàng Giám sát và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Việc tăng/giảm tần suất này sẽ được báo cáo Đại hội Nhà đầu tư gần nhất kế tiếp và cập nhật trong Điều lệ của Quỹ.

Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư gần nhất thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

1.5 . Hạn chế đầu tư

Thông tin về hạn chế đầu tư đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch và Điều lệ hoạt động của Quỹ.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI QUỸ**2.1 . Kỳ kế toán sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 . Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.3 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

Theo Thông tư 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Quỹ đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Hình thức kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành Công ty quản lý quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm: Ước tính giá trị hợp lý của các loại tài sản hiện có của Quỹ.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Quỹ và được Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đánh giá là hợp lý.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

2.6 . Các khoản đầu tư

Quỹ đầu tư vào các chứng khoán chưa niêm yết và đã niêm yết với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua và không bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được khoản đầu tư. Các chi phí phát sinh này được hạch toán vào báo cáo thu nhập.

Đối với khoản đầu tư vào trái phiếu và tiền gửi ngân hàng, phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận, tách biệt khỏi giá gốc, trên khoản mục "dự thu cổ tức, lãi tiền gửi chưa đến ngày nhận" trên Báo cáo tình hình tài chính.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên Báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc sau:

- Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Định giá lại cho mục đích xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong sổ tay định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại điều lệ Quỹ và thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư Quỹ hiện đang nắm giữ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định tại Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Điều lệ, Bản cáo bạch và Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3.	Tiền gửi không kỳ hạn	Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá.
4.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
5.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	<p>1. Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá được xác định dựa trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán, bao gồm Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh ("HSX") và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ("HNX"), theo ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. - Trường hợp không có giao dịch trong hơn hai (02) tuần trước Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; + Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định. <p>2. Đối với công cụ thị trường tiền tệ chưa niêm yết, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; - Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.
Trái phiếu		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá thị trường là Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng 15 (mười lăm) ngày tính đến ngày trước Ngày định giá, cộng lãi lũy kế. Nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh: Là giá sạch cuối ngày của trái phiếu trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, cộng lãi lũy kế. + Trái phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội: Là giá yết cuối ngày thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá, cộng lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 (mười lăm) ngày tính đến Ngày định giá hoặc giá thị trường có biến động lớn, thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước Ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận. - Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
Cổ phiếu		
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UPCoM.	<ul style="list-style-type: none"> - Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 (mười lăm) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá của 03 (ba) tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của 03 (ba) tổ chức báo giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ các báo giá (nếu có từ 02 (hai) tổ chức báo giá cung cấp); + Nếu không có đủ 02 (hai) báo giá: Giá đã được xác định từ kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá 03 (ba) tháng tính đến Ngày định giá; + Giá mua; + Giá theo phương pháp giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá đóng cửa gần nhất (nhưng không quá 03 tháng) tính đến Ngày định giá; + Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 06 tháng) tính đến Ngày định giá; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: <ul style="list-style-type: none"> + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVMCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

12.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá trị sổ sách; + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
13.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = $\text{Max} \{0; (\text{Giá cổ phiếu} - \text{Giá phát hành quyền mua}) \times \text{Tỷ lệ chuyển đổi}\}$ Giá cổ phiếu được xác định theo các tiêu chí tại các mục 8, 9, 10, 11 và 12 ở trên.
Chứng khoán phái sinh		
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá.
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 15 ngày trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt khi quyền được ghi nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Giá vốn của chứng khoán kinh doanh được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.7 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi Ngân hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Quỹ dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ trên báo cáo thu nhập.

2.8 . Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao ban đại diện quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các khoản phải trả khác.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

2.9 . Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của nhà đầu tư

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của Nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn đầu tư của Quỹ do các nhà đầu tư góp vốn vào Quỹ theo phương thức mua chứng chỉ quỹ trong lần phát hành lần đầu ra công chúng và các lần giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi quỹ thành lập.

Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá.

Vốn góp mua lại

Vốn góp mua lại phản ánh tình hình mua lại chứng chỉ quỹ của các Nhà đầu tư tại các kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ sau khi Quỹ thành lập.

Vốn góp mua lại được phản ánh theo mệnh giá.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và mệnh giá đối với các chứng chỉ quỹ được phát hành/ mua lại.

Thặng dư vốn bao gồm: Thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại

- Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá. Thặng dư vốn góp không phát sinh ở lần đầu phát hành chứng chỉ quỹ

- Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá đơn vị Quỹ mua lại và mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu, sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận phân phối cho Nhà Đầu tư

Quỹ ghi nhận lợi nhuận/ tài sản phân phối cho Nhà Đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà Đầu tư, phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

2.10 . Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản của Quỹ (trong trường hợp không xác định được giá trị thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.

Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc như nêu trên.

Giá trị đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng trên Báo cáo tình hình tài chính của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính và được làm tròn xuống đến 02 số thập phân.

2.11 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế mà giá trị có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)

Tiền lãi được ghi nhận là doanh thu trên cơ sở dồn tích có tính lãi đầu tư thực tế của tài sản trừ đi khả năng thu hồi tiền lãi là không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là cổ đông được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Quỹ mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu theo dõi ngoại bảng.

Lãi từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo thu nhập khi nhận được thông báo giao dịch từ các Công ty chứng khoán và Ngân hàng giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

2.12 . Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu bao gồm:

Giá dịch vụ quản lý trả cho Công ty quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý là 1,3%/năm tính trên tổng giá trị Tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ vào ngày định giá, và được trả sau cho Công ty Quản lý Quỹ trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc tháng để thực hiện các dịch vụ quản lý quỹ đầu tư cho Quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản lý = 1,3% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Trường hợp tăng Giá dịch vụ quản lý phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua. Trong mọi trường hợp, tổng số giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyên nhượng không vượt quá mức tối đa 2%/năm theo quy định của pháp luật hiện hành.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

Giá dịch vụ ngân hàng giám sát

Giá dịch vụ ngân hàng giám sát là 0,02%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VNĐ (Năm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ ngân hàng giám sát = 0,02% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký là 0,05%/năm trên Tổng giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 VND (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ lưu ký = 0,05% * Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366)

Giá dịch vụ lưu ký, chưa bao gồm giá dịch vụ xử lý giao dịch cho các giao dịch chứng khoán và giá dịch vụ trả cho Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam (chi phí bên thứ ba).

Giá dịch vụ quản trị quỹ

Giá dịch vụ quản trị Quỹ là 0,03%/năm trên Giá trị tài sản ròng với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị Quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ = 0,03% * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá/ Số ngày thực tế trong năm (365 hoặc 366).

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

STT	Loại phí	Mức giá dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT)
1	Giá dịch vụ cố định hàng tháng	10.000.000 VND/tháng
2	Giá dịch vụ thiết lập, duy trì thông tin	Miễn phí
3	Giá dịch vụ kết nối	Miễn phí
4	Giá dịch vụ cung cấp thông tin	Miễn phí
5	Giá dịch vụ thực hiện quyền	
	- Lập danh sách thực hiện quyền	3.000.000 VND/lần lập danh sách
	- Phân phối cổ tức	Miễn phí

Phí kiểm toán

Phí kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

Chi phí khác

Chi phí khác được pháp luật cho phép.

2.13 . Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở được trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

2.14 . Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở không được thể hiện trong Báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.15 . Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân sửa đổi với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014; Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014; Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính; Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức chi trả.

Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Quỹ hoặc chịu sự kiểm soát của Quỹ, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Quỹ, bao gồm cả công ty quản lý quỹ và các quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của công ty quản lý quỹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Quỹ mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Quỹ, những nhân sự quản lý chủ chốt của Quỹ, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Quỹ cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư cho hoạt động mua chứng chỉ quỹ/mua lại chứng chỉ quỹ	20.000.000	1.000.000
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	32.524.978.359	19.454.228.389
	<u><u>32.544.978.359</u></u>	<u><u>19.455.228.389</u></u>

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm		Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
	VND	VND	Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
Tại ngày 31/12/2025					
I. Cổ phiếu niêm yết	15.890.255.420	15.532.655.000	372.862.354	(730.462.774)	15.532.655.000
1 Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	1.867.600.000	1.680.000.000	-	(187.600.000)	1.680.000.000
2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - HPG	1.893.723.684	1.716.000.000	-	(177.723.684)	1.716.000.000
3 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - MBB	1.877.909.090	1.771.000.000	-	(106.909.090)	1.771.000.000
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN	1.656.400.000	1.540.000.000	-	(116.400.000)	1.540.000.000
5 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPB	1.511.100.000	1.432.500.000	-	(78.600.000)	1.432.500.000
6 Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - KBC	1.757.500.000	1.767.500.000	10.000.000	-	1.767.500.000
7 Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PVS	270.567.646	303.555.000	32.987.354	-	303.555.000
8 Công ty Cổ phần FPT - FPT	1.733.400.000	1.724.400.000	-	(9.000.000)	1.724.400.000
9 Công ty Cổ phần Gemadept - GMD	1.621.930.000	1.567.700.000	-	(54.230.000)	1.567.700.000
10 Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin (Sacombank) - STB	1.700.125.000	2.030.000.000	329.875.000	-	2.030.000.000
II. Trái phiếu	654.142.839	459.606.438	1.251.397	(195.787.798)	459.606.438
II.1 Trái phiếu niêm yết	654.142.839	459.606.438	1.251.397	(195.787.798)	459.606.438
1 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020 ⁽¹⁾	100.143.836	101.395.233	1.251.397	-	101.395.233
2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009 ⁽²⁾	312.311.290	198.915.972	-	(113.395.318)	198.915.972
3 Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần - VIC123029 ⁽³⁾	241.687.713	159.295.233	-	(82.392.480)	159.295.233
	16.544.398.259	15.992.261.438	374.113.751	(926.250.572)	15.992.261.438

Thông tin về các khoản đầu tư thuần đầu tư thuần tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

(1) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam phát hành có kỳ hạn 03 năm từ ngày 05/10/2023, trả lãi 06 tháng/lần.

(2) - Trái phiếu niêm yết do Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan phát hành có kỳ hạn 05 năm từ ngày 12/04/2023, trả lãi 06 tháng/lần.

(3) - Trái phiếu niêm yết do Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần phát hành có kỳ hạn 03 năm, ngày đáo hạn 14/09/2026, trả lãi 06 tháng/lần.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá mua		Giá thị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại
	VND	VND		VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 31/12/2024								
I. Cổ phiếu niêm yết	117.423.979.336	113.434.260.000	113.434.260.000	965.248.448	(4.954.967.784)		113.434.260.000	
1 Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB	5.583.952.832	5.771.460.000	5.771.460.000	187.507.168	-		5.771.460.000	
2 Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát - HPG	6.420.767.781	6.396.000.000	6.396.000.000	-	(24.767.781)		6.396.000.000	
3 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - MBB	5.963.271.756	6.024.000.000	6.024.000.000	60.728.244	-		6.024.000.000	
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN	17.379.468.954	16.100.000.000	16.100.000.000	-	(1.279.468.954)		16.100.000.000	
5 Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí - PVT	14.632.971.209	14.570.200.000	14.570.200.000	-	(62.771.209)		14.570.200.000	
6 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng - VPB	8.821.958.885	8.832.000.000	8.832.000.000	10.041.115	-		8.832.000.000	
7 Tổng Công ty Khí Việt Nam - GAS	7.673.372.101	6.918.960.000	6.918.960.000	-	(754.412.101)		6.918.960.000	
8 Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam - VNM	5.014.311.995	4.438.000.000	4.438.000.000	-	(576.311.995)		4.438.000.000	
9 Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc - KBC	4.675.840.267	4.080.000.000	4.080.000.000	-	(595.840.267)		4.080.000.000	
10 Công ty Cổ phần CNG Việt Nam - CNG	4.343.876.187	4.030.000.000	4.030.000.000	-	(313.876.187)		4.030.000.000	
11 Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-VEA	4.547.269.290	3.980.000.000	3.980.000.000	-	(567.269.290)		3.980.000.000	
12 Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PVS	5.470.000.000	4.746.000.000	4.746.000.000	-	(724.000.000)		4.746.000.000	
13 Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương - BWE	6.664.654.726	7.125.000.000	7.125.000.000	460.345.274	-		7.125.000.000	
14 Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - PNJ	7.872.000.000	7.832.000.000	7.832.000.000	-	(40.000.000)		7.832.000.000	
15 Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - BCM	3.670.313.600	3.800.240.000	3.800.240.000	129.926.400	-		3.800.240.000	
16 Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - DPM	891.250.000	875.000.000	875.000.000	-	(16.250.000)		875.000.000	
17 Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - FMC	620.050.000	625.100.000	625.100.000	5.050.000	-		625.100.000	
18 Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - MSB	3.927.435.897	3.961.000.000	3.961.000.000	33.564.103	-		3.961.000.000	
19 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VIB	3.251.213.856	3.329.300.000	3.329.300.000	78.086.144	-		3.329.300.000	

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ THUẬN

	Giá mua		Giá trị trường hoặc giá trị hợp lý cuối năm	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị đánh giá lại
	VND	VND		Chênh lệch đánh giá tăng	Chênh lệch đánh giá giảm	
II. Trái phiếu niêm yết						
1 Công ty Cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam - BAF123020	38.718.035.384	33.258.419.562	-	(5.459.615.822)	33.258.419.562	
2 Công ty Cổ phần Xây dựng Cotecccons - CTD122015	12.071.477.260	8.164.744.110	-	(3.906.733.150)	8.164.744.110	
3 Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - MSN123009	5.998.894.356	5.998.894.356	-	-	5.998.894.356	
4 Công ty Cổ phần ROX Key Holdings - TN1122016	10.307.121.302	9.061.333.151	-	(1.245.788.151)	9.061.333.151	
III. Trái phiếu chưa niêm yết						
1 Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa - SBTH2427001	10.340.542.466	10.033.447.945	-	(307.094.521)	10.033.447.945	
	8.000.000.026	8.000.000.026	-	-	8.000.000.026	
	8.000.000.026	8.000.000.026	-	-	8.000.000.026	
	164.142.014.746	154.692.679.588	965.248.448	(10.414.583.606)	154.692.679.588	

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại thời điểm 01/01/2025 và 31/12/2025 được xác định theo các nguyên tắc định giá quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải thu cổ tức được nhận	-	35.000.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu niêm yết phát sinh trong năm	381.160.876	1.204.800.000
Dự thu tiền lãi - Trái phiếu chưa niêm yết phát sinh trong năm	-	376.109.589
Dự thu lãi tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, giấy tờ có giá	-	-
Phải thu về bán các khoản đầu tư 02 ngày cuối cùng	-	711.760.000
	381.160.876	2.327.669.589

6 . PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2025	31/12/2024
	VND	VND
Phải trả phí dịch vụ quản lý Quỹ mở	162.193.812	540.692.525
Phải trả phí dịch vụ lưu ký tài sản	15.260.451	32.247.077
Phải trả phí dịch vụ giám sát	5.500.000	11.000.000
Phải trả phí dịch vụ quản trị Quỹ	16.500.000	33.000.000
Phải trả phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
	210.454.263	627.939.602

7 . TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN GÓP CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 như sau:

	Đơn vị	01/01/2025	Phát sinh trong kỳ	31/12/2025
		VND	VND	VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	26.025.804,86	972.564,37	26.998.369,23
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.415,75	9.206,31	10.372,19
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	260.258.048.600	9.725.643.700	269.983.692.300
Thặng dư vốn	VND	10.820.313.004	(771.915.656)	10.048.397.348
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	VND	271.078.361.604	8.953.728.044	280.032.089.648
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(9.318.337,57)	(12.889.190,58)	(22.207.528,15)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.854,53	11.143,86	11.022,46
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(93.183.375.700)	(128.891.905.800)	(222.075.281.500)
Thặng dư vốn	VND	(7.962.835.209)	(14.743.453.234)	(22.706.288.443)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(101.146.210.909)	(143.635.359.034)	(244.781.569.943)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	16.707.467,29	(11.916.626,21)	4.790.841,08
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	169.932.150.695	(134.681.630.990)	35.250.519.705
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	5.839.535.066	7.518.281.593	13.357.816.659
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	175.771.685.761		48.608.336.364
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	10.520,54		10.146,09

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Biến động vốn góp trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024 như sau:

	Đơn vị	01/01/2024 VND	Phát sinh trong kỳ VND	31/12/2024 VND
Vốn góp phát hành				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	13.884.188,33	12.141.616,53	26.025.804,86
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.100,45	10.776,31	10.415,75
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	138.841.883.300	121.416.165.300	260.258.048.600
Thặng dư vốn	VND	1.394.612.148	9.425.700.856	10.820.313.004
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ		140.236.495.448	130.841.866.156	271.078.361.604
Vốn góp mua lại				
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	CCQ	(2.320.818)	(6.997.519,21)	(9.318.337,57)
Giá trị tài sản ròng bình quân	VND	10.045	11.123,07	10.854,53
Giá trị ghi theo mệnh giá	VND	(23.208.183.600)	(69.975.192.100)	(93.183.375.700)
Thặng dư vốn	VND	(104.104.319)	(7.858.730.890)	(7.962.835.209)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	VND	(23.312.287.919)	(77.833.922.990)	(101.146.210.909)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	CCQ	11.563.370	5.144.097,32	16.707.467,29
Giá trị vốn góp hiện hành	VND	116.924.207.529	53.007.943.166	169.932.150.695
Lợi nhuận chưa phân phối	VND	3.622.828.209	2.216.706.857	5.839.535.066
Giá trị tài sản ròng của Quỹ	VND	120.547.035.738		175.771.685.761
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	VND/ CCQ	10.424,90		10.520,54
8 . LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI				
			31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm			5.839.535.066	3.622.828.209
Lợi nhuận thuần trong năm			7.518.281.593	2.216.706.857
- Lợi nhuận đã thực hiện			(1.378.916.744)	12.038.183.655
- Lợi nhuận chưa thực hiện			8.897.198.337	(9.821.476.798)
			13.357.816.659	5.839.535.066

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

9 LÃI, LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Tổng giá trị bán trong năm		Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch		Lãi/lỗ bán chứng khoán trong năm		Lãi/lỗ bán chứng khoán từ năm trước	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	413.506.065.000	419.428.248.916	(5.922.183.916)	4.404.297.098				
Trái phiếu niêm yết	408.683.544.800	403.983.203.093	4.700.341.707	5.204.500.754				
Trái phiếu đáo hạn	10.136.216.986	10.271.328.328	(135.111.342)	(94.771.507)				
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	62.555.411				
	832.325.826.786	833.682.780.337	(1.356.953.551)	9.576.581.756				

10 CHÉNH LỆCH TĂNG, GIẢM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHƯA THỰC HIỆN

	Giá trị mua theo số kế toán		Giá trị hợp lý		Số dư chênh lệch theo đánh giá lại cuối năm		Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán trong năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	15.890.255.420	15.532.655.000	(357.600.420)	3.632.118.916						
Trái phiếu	654.142.839	459.606.438	(194.536.401)	5.265.079.421						
	16.544.398.259	16.992.261.438	(552.136.821)	8.897.198.337						

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

11 . CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Phí quản lý quỹ mở	1.445.625.990	1.874.669.445
Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	192.010.911	191.422.543
Phí dịch vụ giám sát	66.000.000	66.000.000
Phí dịch vụ quản trị quỹ mở	198.000.000	198.000.000
Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng	132.000.000	132.000.000
Chi phí thù lao cho Ban đại diện	108.000.000	108.000.000
Chi phí kiểm toán	64.800.000	63.300.000
Chi phí hoạt động khác	12.155.200	11.562.080
	2.218.592.101	2.644.954.068

12 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Quỹ bao gồm:

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền gửi ngân hàng	32.544.978.359	32.544.978.359	19.455.228.389	19.455.228.389
Các khoản đầu tư thuần	16.544.398.259	15.992.261.438	164.142.014.746	154.692.679.588
Các khoản phải thu	381.160.876	381.160.876	2.327.669.589	2.327.669.589
	49.470.537.494	48.918.400.673	185.924.912.724	176.475.577.566
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả về mua các khoản đầu tư	-	-	1.281.168	1.281.168
Phải trả chi phí về quản lý quỹ mở	214.697.425	214.697.425	636.810.637	636.810.637
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua, mua lại Chứng chỉ quỹ	8.972.681	8.972.681	1.000.000	1.000.000
Chi phí phải trả và phải trả, phải nộp khác	64.886.302	64.886.302	64.800.000	64.800.000
	288.556.408	288.556.408	703.891.805	703.891.805

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Quỹ bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Đối với các tài sản là tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, rủi ro này là không có do giá trị và dòng tiền từ tài sản không bị thay đổi bởi các yếu tố thị trường.

Đối với trái phiếu có lãi suất cố định, mặc dù biến động của lãi suất thị trường có thể ảnh hưởng tới giá của trái phiếu tại từng thời điểm nhưng lại không tác động tới tổng dòng tiền của tài sản đến cuối năm do Quỹ không nắm giữ với mục đích chờ tăng giá mà chủ yếu là nắm giữ tới đáo hạn.

Đối với các tài sản là trái phiếu có lãi suất thả nổi theo biên độ, rủi ro thị trường (giá trái phiếu) là không đáng kể do biến động dòng tiền trong tương lai thường thay đổi song hành cùng với tỷ suất chiết khấu trái phiếu theo biến động của thị trường. Định hướng, chiến lược đầu tư cũng tập trung vào các tài sản có lãi suất thả nổi để giảm thiểu tối đa biến động của giá thị trường tới giá trị tài sản trong kỳ.

Rủi ro tiền tệ:

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Quỹ. Quỹ có các rủi ro tín dụng từ hoạt động đầu tư tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu doanh nghiệp).

Quỹ chủ yếu duy trì số dư tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng có uy tín ở Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các loại trái phiếu doanh nghiệp được Quỹ nắm giữ là trái phiếu của doanh nghiệp có uy tín tại Việt Nam, được nghiên cứu và phân tích kỹ lưỡng trước khi thực hiện đầu tư và được đa dạng hóa nhằm giảm thiểu rủi ro tối đa.

Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quỹ (ví dụ như môi giới, lưu ký, ngân hàng, tổ chức phát hành...) bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quỹ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quỹ chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Quỹ đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính có thanh khoản cao, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quỹ giám sát rủi ro thanh khoản thông qua phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quỹ và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát
Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

13 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
1	01/01/2025	175.774.034.834	16.707.467,29	10.520,68	0,14
2	07/01/2025	181.249.866.226	16.703.659,36	10.850,90	330,22
3	14/01/2025	166.615.933.738	16.270.923,08	10.240,10	(610,80)
4	21/01/2025	167.693.445.284	16.223.689,85	10.336,33	96,23
5	28/01/2025	169.068.505.852	16.224.076,82	10.420,83	84,50
6	31/01/2025	169.184.717.127	16.224.076,82	10.428,00	7,17
7	04/02/2025	169.472.544.234	16.224.076,82	10.445,74	17,74
8	11/02/2025	174.210.254.525	16.224.268,28	10.737,63	291,89
9	18/02/2025	168.647.157.356	16.118.978,32	10.462,64	(274,99)
10	25/02/2025	170.973.722.587	16.117.808,09	10.607,75	145,11
11	28/02/2025	170.932.421.142	16.118.173,71	10.604,94	(2,81)
12	04/03/2025	171.122.422.652	16.118.173,71	10.616,73	11,79
13	11/03/2025	170.987.281.857	16.059.781,14	10.646,92	30,19
14	18/03/2025	169.946.845.044	16.060.906,21	10.581,39	(65,53)
15	25/03/2025	168.432.182.402	16.026.795,21	10.509,41	(71,98)
16	31/03/2025	165.959.045.272	16.015.038,21	10.362,70	(146,71)
17	01/04/2025	166.561.511.269	16.015.038,21	10.400,31	37,61
18	08/04/2025	144.977.596.939	16.013.835,32	9.053,27	(1.347,04)
19	15/04/2025	151.118.632.136	16.013.945,77	9.436,68	383,41
20	22/04/2025	149.750.678.659	16.014.581,54	9.350,89	(85,79)
21	30/04/2025	153.086.193.305	16.016.292,58	9.558,15	207,26
22	04/05/2025	153.101.643.540	16.016.292,58	9.559,11	0,96
23	06/05/2025	155.290.120.377	16.038.365,75	9.682,41	123,30
24	13/05/2025	184.237.712.331	16.001.605,11	11.513,70	1.831,29
25	20/05/2025	178.448.350.208	15.483.828,90	11.524,82	11,12
26	27/05/2025	134.673.814.135	13.885.935,48	9.698,57	(1.826,25)
27	31/05/2025	133.593.033.431	13.888.938,93	9.618,66	(79,91)
28	03/06/2025	135.675.277.759	13.888.938,93	9.768,58	149,92
29	10/06/2025	156.286.532.263	13.978.605,68	11.180,40	1.411,82
30	17/06/2025	130.108.805.061	13.227.825,03	9.835,99	(1.344,41)
31	24/06/2025	129.905.386.384	13.177.255,43	9.858,30	22,31
32	30/06/2025	148.181.855.122	13.178.168,32	11.244,49	1.386,19
33	01/07/2025	148.135.619.038	13.178.168,32	11.240,98	(3,51)
34	08/07/2025	98.036.032.654	10.150.916,77	9.657,85	(1.583,13)
35	15/07/2025	119.716.215.788	10.200.316,66	11.736,51	2.078,66
36	22/07/2025	76.676.844.212	8.255.663,89	9.287,78	(2.448,73)
37	29/07/2025	71.240.379.477	7.710.805,32	9.239,03	(48,75)
38	31/07/2025	73.022.683.130	7.896.129,23	9.247,90	8,87
39	05/08/2025	73.647.233.780	7.896.129,23	9.327,00	79,10
40	12/08/2025	75.559.995.953	7.899.401,46	9.565,28	238,28
41	19/08/2025	75.668.446.580	7.904.972,94	9.572,25	6,97
42	26/08/2025	75.884.526.708	7.912.719,12	9.590,19	17,94

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building, số 11B phố Cát
Linh, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

13 . XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

STT	Ngày tính NAV	NAV	Số lượng chứng chỉ quỹ tại ngày tính NAV	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV	Tăng/ (giảm) NAV/đơn vị Quỹ
		VND	VND	VND	VND
43	31/08/2025	88.221.733.254	7.914.489,02	11.146,86	1.556,67
44	02/09/2025	88.212.896.917	7.914.489,02	11.145,74	(1,12)
45	09/09/2025	57.078.274.945	6.242.370,41	9.143,68	(2.002,06)
46	16/09/2025	57.608.279.006	6.230.774,90	9.245,76	102,08
47	23/09/2025	57.393.067.032	6.337.999,27	9.055,39	(190,37)
48	30/09/2025	57.350.964.468	6.357.988,78	9.020,29	(35,10)
49	07/10/2025	58.602.841.833	6.511.453,18	8.999,96	(20,33)
50	14/10/2025	59.806.663.211	6.660.487,13	8.979,32	(20,64)
51	21/10/2025	58.507.569.307	6.688.780,72	8.747,12	(232,20)
52	28/10/2025	58.952.944.032	6.697.926,55	8.801,67	54,55
53	31/10/2025	59.154.115.419	6.695.068,85	8.835,47	33,80
54	04/11/2025	59.000.373.623	6.695.068,85	8.812,51	(22,96)
55	11/11/2025	72.661.364.757	6.736.548,11	10.786,14	1.973,63
56	18/11/2025	38.034.528.282	4.775.857,57	7.963,91	(2.822,23)
57	25/11/2025	37.623.029.773	4.751.451,96	7.918,21	(45,70)
58	30/11/2025	37.824.734.681	4.779.879,24	7.913,32	(4,89)
59	02/12/2025	37.877.705.623	4.779.879,24	7.924,40	11,08
60	09/12/2025	37.685.353.421	4.781.078,05	7.882,18	(42,22)
61	16/12/2025	37.605.764.216	4.785.845,81	7.857,70	(24,48)
62	23/12/2025	38.317.621.768	4.788.376,58	8.002,21	144,51
63	30/12/2025	48.657.745.387	4.789.772,45	10.158,67	2.156,46
64	31/12/2025	48.608.336.364	4.790.841,08	10.146,09	(12,58)
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm					111.168.897.698
Mức cao nhất trong năm					11.736,51
Mức thấp nhất trong năm					7.857,70
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất					2822,23
Biến động Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất					0,14

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOMTầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

14 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

15 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có phát sinh giao dịch với Quỹ như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ban đại diện Quỹ	Ban đại diện Quỹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	Công ty Quản lý Quỹ đầu tư
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	Ngân hàng giám sát

Quỹ có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Phí dịch vụ quản lý, lưu ký, giám sát và quản trị Quỹ	1.891.029.214	2.318.669.445
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	1.445.625.990	1.874.669.445
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	445.403.224	444.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>31/12/2025</u>	<u>31/12/2024</u>
	VND	VND
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	199.193.812	614.692.525
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đại Chúng Việt Nam	162.193.812	540.692.525
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	37.000.000	74.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2025</u>	<u>Năm 2024</u>
	VND	VND
Thù lao Ban đại diện Quỹ	108.000.000	108.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Quỹ.

QUÝ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

Tầng 9, tòa nhà Hapro Building,
số 11B phố Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2025

16 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán.



Đỗ Thị Kim Cúc

Người lập

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2026



Đỗ Thị Kim Cúc

Kế toán trưởng



Trần Quang Vinh

Giám đốc

